

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa tài sản,
thiết bị, phục vụ công tác chuyên môn (*Sửa chữa nhà*)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo
trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính
phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày
30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày
24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường
xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp,
mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; Nghị
định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán,
quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm,
sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa
chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự
án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về
phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu
tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư
số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây
dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn
phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công
trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ
sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày
31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày
22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương
pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông
tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn
một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ
sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng*

Bộ Xây dựng; Thông tư 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 345/TTr-SXD ngày 23/7/2025, Thông báo kết quả thẩm định 2566/SXD-QLXD ngày 22/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa tài sản, thiết bị, phục vụ công tác chuyên môn (*Sửa chữa nhà*), với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa tài sản, thiết bị, phục vụ công tác chuyên môn (*Sửa chữa nhà*).

2. Địa điểm xây dựng: Đường Xuân Thủy, tổ 8, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La;

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Nhà hát ca múa nhạc tỉnh Sơn La.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo KT-KT: Công ty TNHH đầu tư và xây dựng DAH86, địa chỉ: Số nhà 07, ngõ 83, đường 3-2, tổ 9, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

6. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Công tác cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhằm đảm bảo và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng. Tăng hiệu quả sử dụng, chống xuống cấp công trình và hoàn thiện cơ sở vật chất một cách toàn diện theo tiêu chuẩn đảm bảo duy trì hoạt động của đơn vị.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Sửa chữa các hạng mục: nhà hành chính 01 tầng; sửa chữa nhà luyện tập 01 tầng, nhà vệ sinh số 04 và các hạng mục phụ trợ. Xây mới mái che sân, nhà vệ sinh số 01, số 02, số 03.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. Sửa chữa nhà hành chính 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 185m²: Dỡ bỏ tôn mái hiện trạng, thay thế bằng tôn mái chống nóng 3 lớp (tôn-xốp-giấy bạc) tôn dày 0,4mm.

8.2.2. Sửa chữa nhà luyện tập 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 198m²:

Dỡ bỏ tôn mái hiện trạng, thay thế bằng tôn mái chống nóng 3 lớp (*tôn-xốp-giấy bạc*) tôn dày 0,4mm.

8.2.3. Mái che sân:

- **Kết cấu:** Nhà 01 tầng, khung thép lắp ghép, diện tích xây dựng khoảng 477m², nhịp khung 30m, bước cột khung 5,3m; chiều cao cốt nền sân đến đỉnh mái là 13,3m; móng, giằng móng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); cột khung thép hình chữ I tiết diện (400x700)mm, liên kết tổ hợp hàn từ thép tấm, bản bụng dày 10mm, bản cánh dày 10mm; mái kết cấu dạng vòm thép không gian rỗng 3 mặt được tổ hợp từ thép ống có tiết diện $\Phi 141,3 \times 3,4$ mm, $\Phi 141,3 \times 6,5$ mm, $\Phi 90,3 \times 3,05$ mm, mặt cắt ngang đoạn cột dạng hình tam giác đều cạnh kích thước (1,5x1,5x1,5)m, do nhịp vòm tương đối lớn để đảm bảo an toàn, thuận tiện thi công lắp dựng, vòm được chia làm 4 đoạn được liên kết với nhau thông qua các bu lông; xà gồ mái sử dụng thép hình C150x50x15x3mm, giằng xà gồ sử dụng thép $\Phi 10$, tăng cứng hệ mái thông qua cặp giằng thanh trên bằng thép $\Phi 10$ và tăng đỡ; liên kết móng với cột khung, cột khung với kết cấu vòm mái thông qua bản mã, bu lông, kết hợp liên kết hàn; vật liệu thép sử dụng CT38, bu lông sử dụng bu lông cường độ cao B6.6 và B8.8. Toàn bộ vật liệu kết cấu thép được sơn phủ 03 lớp sơn đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

- **Chống sét:** Kim thu sét đầu mạ kẽm $\Phi 16$ dài 80cm; dây dẫn $\Phi 10$ mạ kẽm, dây tiếp địa thép thép dẹt mạ kẽm 50x4mm, liên kết với cọc tiếp địa bằng thép hình, điện trở của bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$.

8.2.4. Nhà vệ sinh số 1

- **Kiến trúc:** Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 17,17m², chiều dài 4,8m; chiều rộng 3,2m; cốt nền (± 0.000) cao hơn cốt sân sau hoàn thiện +0,15m; chiều cao nhà tính từ cốt nền (± 0.000) đến đỉnh mái 3,3m; tường trong khu vệ sinh ốp gạch men kính (30x60)cm cao 1,8m; diện tích tường còn lại lăn sơn trực tiếp 03 lớp, dầm, trần lăn sơn trực tiếp 03 lớp; mái lợp dung dịch chống thấm chuyên dụng, láng lại bằng vữa xi măng mác 75; cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm định hình, kính bảo vệ dày 6,38mm; nền lát gạch chống trơn kích thước (30x30)cm, tường trong khu vệ sinh ốp gạch men kính (30x60)cm cao 1,8m, lắp đặt đồng bộ thiết bị vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng;

- **Kết cấu:** Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75; dầm, sàn, lanh tô và các kết cấu phụ trợ khác sử dụng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; trát trần vữa xi măng mác 75;

- **Cấp điện:** Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện hiện trạng. Sử dụng đèn ốp trần công suất 20W; dây dẫn đặt trong ống ghen đi chìm tường.

- **Cấp nước:** Nguồn cấp nước cho hạng mục đấu nối từ hệ thống nước chung hiện trạng, cấp nước đến hạng mục sử dụng ống HDPE, sử dụng ống nhựa PPR $\Phi 25$ mm cấp lên bồn nước inox 1,5m³ đặt trên mái; ống nước cấp từ bồn xuống sử dụng loại ống nhựa hàn nhiệt PPR đường kính $\Phi 32$ mm, $\Phi 20$ mm;

- *Thoát nước mái:* Sử dụng ống nhựa $\Phi 90\text{mm}$ thoát ra rãnh ngoài nhà.

- *Thoát nước:*

+ Sử dụng ống PVC: $\Phi 42\text{mm}$, $\Phi 90\text{mm}$, $\Phi 110\text{mm}$ thoát xuống bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Bể tự hoại: Thể tích toàn bể khoảng $5,6\text{m}^3$; đáy bể, tấm đan nắp bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường bể xây gạch, vữa xi măng mác 75; tường trong trát vữa xi măng mác 75, đánh màu bằng xi măng nguyên chất; đáy bể láng vữa xi măng mác 75, đánh màu bằng xi măng nguyên chất.

8.2.5. Nhà vệ sinh số 2 (nhà tắm)

- *Kiến trúc:* Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $6,1\text{m}^2$, chiều dài 2,8m; chiều rộng 1,8m; cốt nền (± 0.000) cao hơn cốt sân sau hoàn thiện +0,15m; chiều cao nhà tính từ cốt nền (± 0.000) đến đỉnh mái 2,9m; trần lắp dựng trần nhựa tấm thả kích thước (60x60)cm; tường trong khu vệ sinh ốp gạch men kính (30x60)cm cao 1,8m; diện tích tường còn lại lăn sơn trực tiếp 03 lớp; cửa đi bằng cửa nhôm định hình, kính bảo vệ dày 6,38mm; nền lát gạch chống trơn kích thước (30x30)cm, lắp đặt đồng bộ thiết bị vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng;

- *Kết cấu:* Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75; dầm, giằng, lanh tô và các kết cấu phụ trợ khác sử dụng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; mái: lợp tôn dày 0,4mm/xà gỗ thép định hình;

- *Cấp điện:* Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện hiện trạng. Sử dụng đèn led gắn tường công suất 20W; dây dẫn được đặt trong ống ghen đi chìm tường;

- *Cấp nước:* Nguồn cấp nước cho hạng mục đấu nối từ hệ thống nước chung hiện trạng; cấp nước đến hạng mục sử dụng bồn nước inox hiện trạng đã có, nước từ bồn cấp xuống thiết bị vệ sinh sử dụng loại ống nhựa hàn nhiệt PPR đường kính $\Phi 20\text{mm}$;

- *Thoát nước:* Sử dụng ống PVC: $\Phi 42\text{mm}$, $\Phi 90\text{mm}$ dẫn về hệ thống thoát nước chung của khu vực hiện trạng đã có.

8.2.6. Nhà vệ sinh số 3

- *Kiến trúc:* Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $4,5\text{m}^2$, chiều dài 2,4m; chiều rộng 1,5m; cốt nền (± 0.000) cao hơn cốt sân sau hoàn thiện +0,15m; chiều cao nhà tính từ cốt nền (± 0.000) đến đỉnh mái 2,9m; trần lắp dựng trần nhựa tấm thả kích thước (60x60)cm; tường trong khu vệ sinh ốp gạch men kính (30x60)cm cao 1,8m; diện tích tường còn lại lăn sơn trực tiếp 03 lớp; cửa đi bằng cửa nhôm định hình, kính bảo vệ dày 6,38mm; nền lát gạch chống trơn kích thước (30x30)cm, lắp đặt đồng bộ thiết bị vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng;

- *Kết cấu:* Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75; dầm, giằng, lanh tô và các kết cấu phụ trợ khác sử dụng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây

gạch vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; mái: lợp tôn dày 0,4mm/xà gồ thép định hình;

- *Cấp điện*: Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện hiện trạng. Sử dụng đèn led gắn tường công suất 20W; dây dẫn được đặt trong ống ghen đi chìm tường;

- *Cấp nước*: Nguồn cấp nước cho hạng mục đấu nối từ hệ thống nước chung hiện trạng; cấp nước đến hạng mục sử dụng bồn nước inox hiện trạng đã có, nước từ bồn cấp xuống thiết bị vệ sinh sử dụng loại ống nhựa hàn nhiệt PPR đường kính $\Phi 25\text{mm}$, $\Phi 20\text{mm}$;

- *Thoát nước*:

+ Sử dụng ống PVC: $\Phi 42\text{mm}$, $\Phi 90\text{mm}$, $\Phi 110\text{mm}$ thoát xuống bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Bể tự hoại: Thể tích toàn bể khoảng $5,6\text{m}^3$; đáy bể, tấm đan nắp bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường bể xây gạch, vữa xi măng mác 75; tường trong trát vữa xi măng mác 75, đánh màu bằng xi măng nguyên chất; đáy bể láng vữa xi măng mác 75, đánh màu bằng xi măng nguyên chất.

8.2.7. Sửa chữa nhà vệ sinh số 4

- Cạo bỏ lớp sơn hiện trạng, lăn sơn lại bằng 03 nước sơn mới;

- Dỡ bỏ cửa đi hiện trạng, thay thế bằng cửa nhôm định hình, kính bảo vệ dày 6,38mm;

- Dỡ bỏ, thay thế thiết bị vệ sinh hiện trạng bằng thiết bị vệ sinh mới.

8.2.8. Các hạng mục phụ trợ

- Sân S1: Diện tích 136m^2 , cấu tạo sân: lát gạch terrazzo kích thước (40x40)cm/lớp vữa xi măng mác 75/lớp sân hiện trạng;

- Sân S2: Diện tích 21m^2 , cấu tạo sân: lát gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm/lớp vữa xi măng mác 75/lớp sân hiện trạng.

8.2.9. Các nội dung, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm định.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

9.1. Số bước thiết kế: 01 bước.

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu

9.2.1. Quy chuẩn

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCXDVN 05-2008/BXD: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;
- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng;
- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

9.2.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất-thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- Bộ tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;
- TCVN 8053-2009: Tấm lợp dạng sóng-Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt;
- TCVN 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5928-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- Tiêu chuẩn IEC 60364: Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;
- TCVN 13606-2023: Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;
- Bộ TCVN 7305-2008: Hệ thống ống nhựa-ống Polyetylen (PE) và phụ

tùng dùng để cấp nước;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;

- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;

- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ-phần 2 cửa kim loại;

- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 2.300.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	1.958.975.231	đồng
- Chi phí quản lý dự án	61.369.351	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	197.182.477	đồng
- Chi phí khác	19.103.890	đồng
- Chi phí dự phòng	63.369.051	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Theo Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách nhà nước	Tổng cộng
2025	2.300,0	2.300,0

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nhà hát ca múa nhạc tỉnh Sơn La (*chủ đầu tư*)

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND phường Tô Hiệu; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Giám đốc Nhà hát ca múa nhạc tỉnh Sơn La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân